

Số: 39 /2018/NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành chính sách hỗ trợ trang thiết bị, vật tư phát triển Hợp tác xã
trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2019 – 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP
ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của
Luật Hợp tác xã;*

*Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về ban hành chính sách hỗ trợ trang thiết bị, vật
tư phát triển Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai
đoạn 2019 – 2020; Báo cáo thẩm tra số 163/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm
2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ trang thiết bị, vật tư cho phát triển Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2019 - 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp gồm: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, diêm nghiệp, tổng hợp (sau đây gọi chung là Hợp tác xã nông nghiệp) được thành lập, tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012;

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hợp tác xã nông nghiệp thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này được hỗ trợ một lần nếu đáp ứng điều kiện hỗ trợ tại Điều 4 Nghị quyết này;

2. Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ phải đúng mục đích, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện việc đầu tư và thanh toán, quyết toán vốn đã sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

1. Điều kiện chung

a) Hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, vật tư thuộc dự án hoạt động sản xuất kinh doanh quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này, khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Hợp tác xã nông nghiệp được đánh giá xếp loại tốt, khá theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp;

Dự án đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập cho thành viên và giải quyết việc làm cho người lao động.

b) Đối với nội dung hỗ trợ đầu tư cho Hợp tác xã nông nghiệp điểm quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Hợp tác xã nông nghiệp đáp ứng các điều kiện tại Khoản a Điều này. Đồng thời, hợp tác xã có dự án khả thi, ứng dụng khoa học công nghệ, giải pháp tiên tiến trong sản xuất nhằm nâng cao giá trị sản lượng của các sản phẩm và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt về quy mô, diện tích, hạ tầng, máy móc, vật tư, nhân công, tập huấn, chuyển giao công nghệ và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện ưu tiên

Bên cạnh những điều kiện chung, Hợp tác xã nông nghiệp được hưởng nội dung hỗ trợ nếu đáp ứng một trong những điều kiện theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

a) Có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm có giá trị tối thiểu từ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/năm;

b) Tổ chức cho các thành viên sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

c) Hoạt động trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

d) Bị thiệt hại hoặc nằm trong vùng có nguy cơ do các yếu tố khách quan như: môi trường, khí hậu, thời tiết;

e) Hợp tác xã chưa được hưởng nội dung hỗ trợ tương tự từ các quy định, chính sách khác của nhà nước.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, vật tư thuộc dự án hoạt động sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã: Hỗ trợ 30% kinh phí nhưng không quá 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)/dự án;

2. Hỗ trợ đầu tư cho Hợp tác xã điểm: Hỗ trợ 30% kinh phí nhưng không quá 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng)/dự án.

Điều 6. Trình tự thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát điều kiện tại Điều 4 và tổng hợp danh sách các Hợp tác xã nông nghiệp đáp ứng điều kiện được hỗ trợ;

b) Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định dự án, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án và kinh phí thực hiện cho Hợp tác xã nông nghiệp.

2. Sở Tài chính

Sau khi dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cấp phát kinh phí và hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ nhu cầu hỗ trợ của Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ trì rà soát điều kiện tại Điều 4 Nghị quyết này và tổng hợp các Hợp tác xã nông nghiệp đáp ứng điều kiện hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện trong giai đoạn 2019 – 2020 là 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng).

2. Phân kỳ kinh phí

a) Năm 2019: 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

b) Năm 2020: 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu: VT, SNN, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh